

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI VỀ QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI NĂM 2027

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thành phố Đồng Nai năm 2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước thành phố Đồng Nai năm 2027 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.	Điều chỉnh để phù hợp theo năm.
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các sở, ban, ngành, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; các xã, phường trên địa bàn tỉnh. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp thành phố; các xã, phường trên địa bàn thành phố. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.	Không thay đổi đối tượng áp dụng
3	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Quỹ tiền lương: Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (phụ cấp chức vụ; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp phục vụ cấp ủy; phụ cấp cấp ủy, phụ cấp Hội đồng nhân dân, phụ cấp ưu đãi; phụ cấp thu hút; phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ trách trách nhiệm công việc; phụ cấp trực 24/24 giờ ngành y tế và các loại phụ cấp theo lương khác),	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Quỹ tiền lương: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương (phụ cấp chức vụ; phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp phục vụ cấp ủy; phụ cấp cấp ủy, phụ cấp hội đồng nhân dân, phụ cấp ưu đãi; phụ cấp thu hút; phụ cấp lưu động; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp khu vực; phụ cấp đặc biệt; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ trách trách nhiệm công việc; phụ cấp trực	Cơ bản không thay đổi, chỉ làm rõ thêm nội dung Chi hoạt động tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã bao gồm kinh phí hỗ trợ mua báo, tài liệu, tạp chí của Đảng).

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước. 2. Biên chế bao gồm: Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. 3. Chi hoạt động thường xuyên a) Chi hoạt động thường xuyên - Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet, vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào. - Chi thuê mướn, ký hợp đồng dịch vụ một số công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng mầm non, quần sinh) phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định. - Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên tại đơn vị như: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo cơ quan quyết định. - Chi bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở vật chất, tài sản phục vụ công tác chuyên môn do cơ quan đơn vị quản lý dưới 100 triệu đồng/danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa. - Chi hoạt động tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng,	24/24 giờ ngành y tế và các loại phụ cấp theo lương khác), chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước. 2. Biên chế bao gồm: số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. 3. Chi hoạt động thường xuyên: a) Chi hoạt động thường xuyên bao gồm: - Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet, vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào. - Chi thuê mướn, ký hợp đồng dịch vụ một số công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng mầm non, quần sinh) phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định. - Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên tại đơn vị như: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo cơ quan quyết định. - Chi bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở vật chất, tài sản phục vụ công tác chuyên môn do cơ quan đơn vị quản lý dưới 100 triệu đồng/danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa.	

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	chi hoạt động dân quân tự vệ, đội phòng cháy chữa cháy, các tổ chức, đoàn, hội tại cơ quan. - Chi bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém tại các cơ sở giáo dục. - Chi tiền làm thêm giờ, chi phúc lợi cơ quan, tiền nghỉ phép năm, chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định, chi hỗ trợ khác do cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác. b) Không bao gồm - Chi trang phục ngành theo quy định của trung ương. - Chi một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các Đảng ủy xã, phường theo Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. - Chi chế độ chi đặc thù cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Chi hỗ trợ các cơ sở giáo dục theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. - Chi tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân tập trung, chi tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các địa điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa tập trung tại tỉnh, xã, phường. - Chi bồi dưỡng học sinh giỏi tại các trường Chuyên Trung học phổ thông. - Chi tăng giờ trong trường hợp đặc biệt, do nguyên nhân khách quan, số chi chế độ làm thêm giờ lớn hoặc cần thiết phải thuê, mướn, điều động từ các đơn vị khác để đảm bảo công việc.	- Chi hoạt động tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (bao gồm kinh phí hỗ trợ mua báo, tài liệu, tạp chí của Đảng), chi hoạt động dân quân tự vệ, đội phòng cháy chữa cháy, các tổ chức, đoàn, hội tại cơ quan. - Chi nhiệm vụ dạy nghề phổ thông, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém tại các cơ sở giáo dục. - Chi tiền làm thêm giờ, chi phúc lợi cơ quan, tiền nghỉ phép năm, chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định, chi hỗ trợ khác do cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác. b) Không bao gồm: - Chi trang phục ngành theo quy định của trung ương. - Chi một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các Đảng ủy xã, phường theo Quyết định số 01-QĐ/TU ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy. - Chi chế độ chi đặc thù cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai. - Chi hỗ trợ các cơ sở giáo dục theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. - Chi tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân tập trung, chi tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các địa điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa tập trung tại thành phố, xã. - Chi bồi dưỡng học sinh giỏi tại các trường Chuyên Trung học phổ thông.	

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		- Chi tăng giờ trong trường hợp đặc biệt, do nguyên nhân khách quan, số chi chế độ làm thêm giờ lớn hoặc cần thiết phải thuê, mượn, điều động từ các đơn vị khác để đảm bảo công việc.	
4	Điều 4. Nguyên tắc áp dụng 1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đảm bảo kinh phí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026 - 2030 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương. 2. Đảm bảo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, chưa bao gồm: chế độ hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng; hỗ trợ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc không chuyên trách, dân quân; hỗ trợ hỏa táng; hỗ trợ chính sách phát triển dân số; nhiệm vụ chi quy hoạch; chi các chương trình mục tiêu quốc gia. 3. Đảm bảo chi hoạt động, thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; thu nhập tăng thêm trên mặt bằng chung; thúc đẩy thực hành tiết kiệm, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước. 4. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên; ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. 5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để tiến hành giao dự toán	Điều 4. Nguyên tắc áp dụng 1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, đảm bảo kinh phí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng giai đoạn 2027-2030 theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và địa phương. 2. Đảm bảo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đã ban hành đến ngày 30/9/2026 (chưa bao gồm: kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030; kinh phí thực hiện các chính sách: miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; hỗ trợ học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng; hỗ trợ hỏa táng; hỗ trợ chính sách phát triển dân số; nhiệm vụ chi quy hoạch; chi khám sức khỏe toàn dân định kỳ) 3. Đảm bảo chi hoạt động, thực hiện quyền tự chủ tài chính đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; thu nhập tăng thêm trên mặt bằng chung; thúc đẩy thực	Khoản 2 Điều 4 điều chỉnh mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng để phù hợp với Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 4 thay đổi nội dung không bao gồm để phù hợp với điểm b khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027; đồng thời không bao gồm chế độ hỗ trợ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc không chuyên trách, dân quân và chi các chương trình mục tiêu quốc gia do các nhiệm vụ này được bảo đảm trong định mức phân bổ chi cấp xã.

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch. 6. Định mức, nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã để xác định tổng chi thường xuyên ngân sách (trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ), Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán được cấp trên giao, nhu cầu chi, khả năng ngân sách đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương. 7. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên là mức chi tối đa, bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hàng năm của cấp có thẩm quyền (nếu có).	hành tiết kiệm, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước. 4. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên; ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. 5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên để tiến hành giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, công khai, minh bạch. 6. Định mức, nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã để xác định tổng chi thường xuyên ngân sách (trong đó chi tiết sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ), Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán được cấp trên giao, nhu cầu chi, khả năng ngân sách đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ dự toán ngân sách cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương. 7. Định mức khoán chi hoạt động thường xuyên là mức chi tối đa, bao gồm các khoản tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương hoặc tiết kiệm để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định điều hành hàng năm của cấp có thẩm quyền (nếu có).	
	Điều 5. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các đơn vị sử dụng ngân sách 1. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các cơ quan quản lý hành chính a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế cán bộ, công chức thực tế thực hiện (không được	Điều 5. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các đơn vị sử dụng ngân sách 1. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các cơ quan quản lý hành chính	1. Điều chỉnh mức Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): từ 66 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm thành 71 triệu

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH			
	vượt mức biên chế được phê duyệt). b) Khoản chi hoạt động thường xuyên - Phân bổ theo số biên chế được giao (bao gồm biên chế có mặt và biên chế chưa tuyển): + Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 110 triệu đồng/biên chế/năm. + Sở chủ quản, Ban, Văn phòng cơ quan Ủy ban Mặt Trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 80 triệu đồng/biên chế/năm. + Hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ, được giao biên chế: 65 triệu đồng/biên chế/năm. + Đơn vị quản lý hành chính trực thuộc các sở: 70 triệu đồng/biên chế/năm. + Xã, phường: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 66 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm. c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt. 2. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách đảm bảo chi thường xuyên a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt). b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: - Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao theo phân loại trường, khu vực: Đvt: triệu đồng/biên chế/năm <table><tr><th>Cấp học</th><th>Các phường</th><th>Các xã</th></tr></table>	Cấp học	Các phường	Các xã	a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế cán bộ, công chức thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt). b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: - Phân bổ theo số biên chế được giao (bao gồm biên chế có mặt và biên chế chưa tuyển): + Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố: 110 triệu đồng/biên chế/năm. + Sở chủ quản, Ban, Văn phòng cơ quan Ủy ban Mặt Trận tổ quốc Việt Nam thành phố Đồng Nai, tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố: 80 triệu đồng/biên chế/năm. + Hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ, được giao biên chế: 65 triệu đồng/biên chế/năm. + Đơn vị quản lý hành chính trực thuộc các sở: 70 triệu đồng/biên chế/năm. + Đơn vị quản lý hành chính, đảng, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được giao biên chế thuộc xã, phường: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 71 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm. c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt. 2. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách đảm bảo chi thường xuyên a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt). b) Khoản chi hoạt động thường xuyên:	đồng/biên chế tiết kiệm/năm để phù hợp với mức lương cơ sở là 2.350.000 đồng. 2. Không phân biệt mức khoán chi theo biên chế của trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giữa xã với phường. Do hiện nay, các trường không thu học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ (trước đây, các phường thu học phí và sẽ được trích lại theo tỷ lệ để hỗ trợ chi phí hoạt động). Theo đó, nâng mức khoán chi các cơ sở giáo dục của phường lên bằng mức của xã. Theo đó, dự toán kinh phí dự kiến tăng khoảng 73 tỷ, nằm trong khả năng cân đối của ngân sách thành phố. 3. Bỏ mức hỗ trợ các trường học có cơ sở phụ: 56 triệu đồng/cơ sở phụ/năm. Do sau sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục theo Kế hoạch số 1186/KH-BGDDT ngày 26/6/2026, số lượng trường giảm, nhưng gia tăng đáng kể số lượng điểm trường, tuy nhiên, kinh phí hoạt động cơ bản không thay đổi hoặc thậm chí giảm (do giảm số lượng cán bộ quản lý).
Cấp học	Các phường	Các xã				

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI			DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	Mầm non	52	60	- Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao theo phân loại trường, khu vực: + Cấp học mầm non: 60 triệu đồng/biên chế/năm. + Cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông: 35 triệu đồng/biên chế/năm. Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được phân bổ như sau: + Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Áp dụng theo mức phân bổ các cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. + Trường Chuyên Trung học phổ thông: 44 triệu đồng/biên chế/năm. + Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: 60 triệu đồng/biên chế/năm. + Trường phổ thông Năng khiếu thể thao: 45 triệu đồng/biên chế/năm. + Trường dân tộc nội trú: 55 triệu đồng/ biên chế/ năm. + Hỗ trợ các trường học có cơ sở phụ: 56 triệu đồng/cơ sở phụ/năm. - Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Bù Gia Mập: 60 triệu đồng/biên chế/năm. - Trường Chính trị, Trung tâm Chính trị: 80 triệu đồng/ biên chế/năm. - Trung tâm công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Đồng Nai; Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Bảo tàng tỉnh Đồng Nai: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Ban Quản lý nghĩa trang: 60 triệu đồng/ biên chế/năm. - Các đơn vị sự nghiệp khác: 50 triệu đồng/biên chế/năm	Vì vậy, việc bỏ quy định hỗ trợ điểm trường là hợp lý.
	Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	30	35		
	Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được phân bổ như sau: + Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Áp dụng theo mức phân bổ các cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. + Trường Chuyên Trung học phổ thông: 44 triệu đồng/biên chế/năm. + Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: 60 triệu đồng/biên chế/năm. + Trường phổ thông Năng khiếu thể thao: 45 triệu đồng/biên chế/năm. + Trường dân tộc nội trú: 55 triệu đồng/ biên chế/ năm. + Hỗ trợ các trường học có cơ sở phụ: 56 triệu đồng/cơ sở phụ/năm. - Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Bù Gia Mập: 60 triệu đồng/biên chế/năm. - Trường Chính trị, Trung tâm Chính trị: 80 triệu đồng/ biên chế/năm. - Trung tâm công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Đồng Nai; Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Bảo tàng tỉnh Đồng Nai: 80 triệu đồng/biên chế/năm. - Ban Quản lý nghĩa trang: 60 triệu đồng/ biên chế/năm. - Các đơn vị sự nghiệp khác: 50 triệu đồng/biên chế/năm				

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	- Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 66 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm. c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt. 3. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	- Phân bổ bổ sung đối với các biên chế tiết kiệm, chưa tuyển (tại thời điểm quyết định dự toán năm): 71 triệu đồng/biên chế tiết kiệm/năm. c) Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt. 3. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên: Thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	
	Điều 6. Nguyên tắc, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2026 1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo a) Đảm bảo quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5. b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách - Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập. - Chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non. - Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. - Chính sách trường dân tộc nội trú. - Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán.	Điều 6. Nguyên tắc, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2027 1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo a) Đảm bảo quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5. b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách: - Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. - Chính sách phát triển giáo dục mầm non: Hỗ trợ tiền ăn trẻ, chính sách hỗ trợ giáo viên, hỗ trợ cơ sở giáo dục ngoài công lập. - Chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.	1. Không đưa vào chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập do điểm b khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xác định không đưa kinh phí thực hiện chính sách này vào định mức chi thường xuyên cấp tỉnh (Chính phủ sẽ ban hành hướng dẫn bố trí kinh phí riêng đối với chính sách này). 2. Bổ sung một số chế độ chính sách phát sinh do Trung ương và địa phương ban hành trong năm

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	- Chế độ hỗ trợ đối với giáo viên dạy trẻ khuyết tật. c) Phân bổ chi hoạt động chung ngành theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm. d) Bổ sung kinh phí đào tạo chính trị tại phường Trăn Biên, phường Long Khánh, phường Bình Phước, phường Bình Long, phường Chơn Thành, phường Phước Bình, xã Bù Đăng, xã Cẩm Mỹ, xã Dầu Giây, xã Định Quán, xã Đồng Phú, xã Long Thành, xã Lộc Ninh, xã Nhơn Trạch, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng, xã Tân Khai, xã Tân Phú, xã Thiện Hưng, xã Trảng Bom, xã Trị An, xã Xuân Lộc: 1.500 triệu đồng. 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, căn cứ trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ, số giao chỉ tiêu của Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của từng địa phương hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. 3. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính và các sự nghiệp khác a) Quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động - Đảm bảo quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động cho cán bộ, công chức, viên chức tại điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5. - Đảm bảo chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở cấp ấp. - Đảm bảo chế độ đối với lực lượng dân quân. - Đảm bảo chế độ đối với lượng lượng an ninh trật tự cơ sở.	- Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán. - Chế độ hỗ trợ đối với giáo viên dạy trẻ khuyết tật. - Chế độ hỗ trợ cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền. - Chi hỗ trợ đội ngũ công chức, viên chức, người lao động công tác trong ngành Giáo dục trên địa bàn thành phố nhân dịp Ngày Nhà giáo Việt Nam - ngày 20 tháng 11. c) Phân bổ chi hoạt động chung ngành theo tiêu chí dân số: 10.000 đồng/người dân/năm. 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, căn cứ trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ, số giao chỉ tiêu của Chính phủ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của từng địa phương hằng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. 3. Định mức phân bổ sự nghiệp y tế. a) Đảm bảo quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5. b) Phân bổ chi hoạt động chung ngành theo tiêu chí dân số: 9.000 đồng/người dân/năm. Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động của trạm y tế cấp xã; chi cho công tác tuyên truyền, phòng bệnh; chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số. 4. Định mức phân bổ sự nghiệp đảm bảo xã hội.	2026 như: chế độ hỗ trợ cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; hỗ trợ đội ngũ công chức, viên chức, người lao động công tác trong ngành Giáo dục trên địa bàn thành phố nhân dịp Ngày Nhà giáo Việt Nam - ngày 20 tháng 11; chế độ hỗ trợ đối với người làm việc, người trực tiếp trong coi nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang cán bộ - người có công, các công trình liệt sĩ, di tích được xếp hạng trên địa bàn; Chế độ cho thành viên đội thể thao cấp xã 3. Xây dựng thêm định mức phân bổ đối với sự nghiệp y tế, sự nghiệp văn hóa để làm rõ nội dung chi; tăng phân bổ cho các nhiệm vụ phòng bệnh, văn hóa, quản lý, bảo quản công trình ghi công, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh. 4. Về mức phân bổ chung, trong quá trình điều hành ngân sách trong năm 2026, các địa phương (nhất là khu vực các phường chưa được hỗ trợ đặc thù theo Nghị quyết 14/2025/NQ-HĐND, phường Trăn Biên) đã đề xuất bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương (dịch vụ công ích; duy tu

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	- Đảm bảo chế độ đối với trường các đoàn thể cấp ấp, tổ nhân dân. b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách - Chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên. - Chế độ trợ cấp hưu trí xã hội. - Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán. - Chế độ hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. - Chế độ người có uy tín, già làng. - Chế độ quà tặng, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi. c) Đảm bảo kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải. d) Phân bổ chung - Phân bổ chung theo xã, phường: 18.000 triệu đồng/xã, phường/năm. - Phân bổ theo dân số: 77.000 đồng/người dân/năm. đ) Hỗ trợ các đặc thù tại địa phương (ngoài định mức phân bổ chung tại điểm d Điều này) - Hỗ trợ các phường, xã trung tâm: + Phường Trần Biên: 60.000 triệu đồng/năm. + Phường Long Khánh và phường Bình Phước: 19.200 triệu đồng/năm. + Phường Bình Long, phường Chơn Thành, phường Phước Bình, xã Bù Đăng, xã Cẩm Mỹ, xã Dầu Giây, xã Định Quán, xã Đồng Phú, xã Long Thành, xã Lộc Ninh, xã Nhơn Trạch, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng, xã Tân Khai, xã Tân Phú, xã Thiện Hưng, xã Trảng Bom, xã Trị An, xã Xuân Lộc: 8.500 triệu đồng/năm. - Hỗ trợ các xã biên giới: 3.000 triệu đồng/năm.	a) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách: - Chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên. - Chế độ trợ cấp hưu trí xã hội - Chính sách hỗ trợ Tết Nguyên đán. - Chế độ hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. - Chế độ người có uy tín, già làng. - Chế độ quà tặng, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi. - Đảm bảo chế độ hỗ trợ đối với người làm việc, người trực tiếp trong coi nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang cán bộ - người có công, các công trình liệt sĩ trên địa bàn. b) Phân bổ khoán chi phí theo công trình (nghĩa trang liệt sĩ, đền liệt sĩ, đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sĩ): 200 triệu đồng/công trình/năm. Định mức này đã bao gồm các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên; duy tu, sửa chữa thường xuyên các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đền liệt sĩ, đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sĩ trên địa bàn. 5. Định mức phân bổ sự nghiệp văn hóa a) Đảm bảo chế độ hỗ trợ đối với người làm việc, người trực tiếp trong coi các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng trên địa bàn. b) Các xã phường quản lý các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được phân bổ khoán chi phí theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: 100 triệu đồng/di tích, danh lam thắng cảnh/năm; riêng xã Bom Bo: 3.000 triệu đồng/năm; xã Lộc Thành: 9.000 triệu đồng/năm. 6. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính và các sự nghiệp khác a) Quỹ tiền lương và khoán chi hoạt động	sửa chữa thường xuyên các tuyến đường giao thông; điều chỉnh quy hoạch,...). Theo đó, Sở Tài chính xây dựng tăng định mức phân bổ cho các xã, phường theo dân số (từ 77.000 đồng/người dân/năm lên 90.000 đồng/người dân/năm); tăng mức hỗ trợ phường Trần Biên (từ 60 tỷ đồng/năm lên 80 tỷ đồng/năm); tăng mức hỗ trợ phường Long Khánh, Đồng Xoài (từ 19,2 tỷ đồng/năm lên 20 tỷ đồng/năm); bổ sung cho các phường (không phải phường trung tâm trước sắp xếp) 5 tỷ đồng/phường/năm. Dự kiến, tổng dự toán tăng thêm 193 tỷ đồng, nằm trong khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		- Đảm bảo quỹ tiền lương và khoản chi hoạt động cho cán bộ, công chức, viên chức tại điểm a, điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5. - Đảm bảo chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở cấp ấp, khu phố. - Đảm bảo chế độ đối với lực lượng dân quân. - Đảm bảo chế độ đối với lượng lượng an ninh trật tự cơ sở. b) Đảm bảo nhu cầu chi các chế độ chính sách: - Chế độ chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng, chế độ đặc thù đối với thành viên đội thể thao cấp xã c) Đảm bảo kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải. d) Phân bổ chung và hỗ trợ đặc thù tại địa phương: - Phân bổ chung theo xã, phường: 18.000 triệu đồng/xã, phường/năm. - Phân bổ theo dân số: 90.000 đồng/người dân/năm. - Các chế độ hỗ trợ đặc thù khác: + Hỗ trợ các xã biên giới: 3.000 triệu đồng/xã/năm. + Hỗ trợ phường Trần Biên: 80.000 triệu đồng/năm. + Hỗ trợ Phường Long Khánh và phường Bình Phước: 20.000 triệu đồng/năm. + Hỗ trợ phường Bình Long, phường Chơn Thành, phường Phước Bình, phường Dầu Giây, phường Đồng Phú, phường Long Thành, phường Lộc Ninh, phường Nhơn Trạch, phường Tân Khai, phường Tân Phú, phường Trảng Bom, phường Trị An, phường Xuân Lộc, xã Thiện Hưng, xã Bù Đăng, xã Cẩm Mỹ, xã Định Quán, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng): 8.500 triệu đồng/năm.	

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
		+ Hỗ trợ các phường Biên Hòa, Trảng Dài, Tam Hiệp, Long Bình, Hồ Nai, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Tân Triều, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Hàng Gòn, Đồng Xoài: 5.000 triệu đồng/năm. Định mức phân bổ chung và hỗ trợ đặc thù nêu trên bao gồm chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo các sự nghiệp (y tế, dân số và gia đình; văn hóa - thông tin; phát thanh – truyền hình; thể dục – thể thao; đảm bảo xã hội; quốc phòng; an ninh; kinh tế; môi trường; sự nghiệp khác) thuộc thẩm quyền phân cấp thực hiện của địa phương.	
	Điều 7. Nguyên tắc phân bổ các chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2027 và các năm tiếp theo Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2027 và các năm tiếp theo được xác định trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm 2026 được xác định theo Điều 6 và điều chỉnh (tăng, giảm) theo nguyên tắc: - Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và tình hình thực tế của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách xã. - Trường hợp có phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã theo khả năng của ngân sách tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của ngân sách cấp xã. Trường hợp phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi hết hiệu lực, ngân sách cấp tỉnh giảm trừ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã. - Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân	Điều 7. Nguyên tắc phân bổ các chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2028 và các năm tiếp theo Dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2028 và các năm tiếp theo được xác định trên cơ sở dự toán chi thường xuyên năm 2027 được xác định theo Điều 6 và điều chỉnh (tăng, giảm) theo nguyên tắc: - Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp thành phố và tình hình thực tế của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách xã. - Trường hợp có phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi mới do cấp thẩm quyền ban hành, ngân sách cấp thành phố sẽ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã theo khả năng của ngân sách thành phố và khả năng cân đối ngân sách của ngân sách cấp xã. Trường hợp phát sinh chính sách, nhiệm vụ chi hết hiệu lực, ngân sách cấp thành phố giảm trừ bổ sung cân đối cho ngân sách cấp xã.	

STT	NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/11/2025 QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
	đổi ngân sách cấp dưới để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau: Bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức, dự toán được giao đầu năm; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phân giao cho cấp dưới thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, nhiệm vụ cụ thể khác.	3. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới theo khả năng ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách cấp dưới để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau: Bổ sung kinh phí các chính sách chưa có trong định mức, dự toán được giao đầu năm; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác phân giao cho cấp dưới thực hiện; hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới; hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, nhiệm vụ cụ thể khác.	